

Bản án số: 31/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 18- 9- 2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Sang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Trường Chinh

2. Bà Nguyễn Thị Thu Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Thuyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thanh Tài- Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2023/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 6 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Ngô Văn Q; địa chỉ: T 2, xã E, huyện E, tỉnh Đ

2. *Bị đơn:* Chị Huỳnh Thị Trúc N; địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Nguyên đơn và bị đơn đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/5/2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Ngô Văn Quân trình bày:

Anh và chị N tìm hiểu, yêu thương nhau khoảng 1 năm thì được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 01/02/2019 tại UBND xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi kết hôn thì vợ chồng cùng nhau làm ăn tại thành phố Hồ Chí Minh, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì luôn xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là bất đồng quan điểm về mọi mặt, không hợp tính nhau, mặc dù đã được gia đình hai

bên hòa giải, động viên nhưng vẫn không có kết quả. Nên anh và chị Ngân đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2021 cho đến nay, phần ai người nấy sống, không còn quan tâm đến nhau. Nay anh yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức giải quyết cho anh ly hôn với chị Huỳnh Thị Trúc N.

Về con chung: Có 02 con chung tên Ngô Huỳnh Quốc A, sinh ngày 17/3/2019 và Ngô Huỳnh Như Ý, sinh ngày 09/12/2021. Khi chị N chung sống với anh tại tỉnh Đắk Lắk thì vợ chồng mâu thuẫn nên chị Ng ôm cháu Ý về nhà cha mẹ đẻ của chị ở huyện M, tỉnh Quảng Ngãi sống, còn cháu A chung sống với anh một thời gian thì chị N yêu cầu anh dẫn cháu A về Quảng Ngãi sống với chị N cho đến nay; cháu A bị chậm nói, tăng động không thể nào phát triển bình thường như những đứa trẻ khác. Khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi cả 02 con chung, anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng cho con. Trường hợp Tòa án giao cho anh và chị N mỗi người nuôi một cháu thì anh có nguyện vọng được nuôi cháu A. Vì anh có đủ điều kiện kinh tế, chỗ ở ổn định, cũng như điều kiện về chăm sóc y tế và nơi học tập cho trẻ chậm phát triển tại thành phố Hồ Chí Minh để lo cho con tốt hơn chị N nên anh yêu cầu Tòa án giao con chung tên A cho anh nuôi dưỡng, anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng cho con vì chị Ngân không có điều kiện kinh tế cũng như không có thời gian để chăm lo cho con, anh có yêu cầu chị N đưa cháu A đi khám chữa bệnh tại thành phố Hồ Chí Minh nhưng chị N không đồng ý; anh giao con chung tên Ý cho chị N nuôi dưỡng, anh tự nguyện cấp dưỡng cho con tên Ý mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) cho đến khi cháu Ý đủ 18 tuổi. Hiện nay anh đang làm ăn và sinh sống tại thành phố Hồ Chí Minh, lương bình quân tháng 30.000.000 đồng, anh làm việc văn phòng, giờ hành chính nên có thời gian chăm lo cho cháu tốt hơn chị N.

Về tài sản chung: Không có

Nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 16/6/2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là chị Huỳnh Thị Trúc Ng trình bày:

Chị công nhận lời trình bày của anh Q về quan hệ hôn nhân là đúng. Anh, chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk ngày 01/02/2019 trên cơ sở tự nguyện. Trong thời gian chung sống thì có nhiều mâu thuẫn xảy ra như không hợp nhau về tính cách, không cùng quan điểm nên từ đó sống không có hạnh phúc. Chị và anh Q đã ly thân từ tháng 9 năm 2021 cho đến nay, chị dẫn con về quê xã Đ, huyện Mộ Đức sống cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn thương yêu nhau nên anh Q yêu cầu ly hôn, chị đồng ý.

Về con chung: Có 02 con chung tên Ngô Huỳnh Quốc A, sinh ngày 17/3/2019 và Ngô Huỳnh Như Ý, sinh ngày 09/12/2021. Khi chị và anh Q sống ly thân nhau, nhưng anh Q thường xuyên về thăm nom con nhưng thời gian thăm không dài, anh Q có chu cấp tiền cho chị chăm lo cho các con. Hiện nay 02 con chung đang sống với chị N. Riêng cháu A từ nhỏ đến giờ chung sống với ông bà Ngoại, do ông bà Ngoại chăm sóc, do chị và anh Q phải đi làm ăn tại thành phố Hồ Chí Minh. Hơn nữa hiện nay cháu A đang chậm phát triển hơn

những đứa trẻ so với tuổi, nên cần có sự chăm sóc của người mẹ và cháu đã quen sống với môi trường hiện nay. Đồng thời chị có nghề nghiệp ổn định, có thời gian và điều kiện để chăm lo cho con tốt. Nên anh Q yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên A, chị không đồng ý. Vì tuy anh Q có điều kiện về kinh tế nhưng không có thời gian, gần gũi để chăm lo cho con tốt hơn người mẹ. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung. Chị yêu cầu anh Q phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, mỗi cháu mỗi tháng 1.500.000 đồng (3.000.000/tháng/02 con chung) cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Trường hợp Tòa án giao cho mỗi người nuôi 01 con chung thì chị yêu cầu được nuôi cháu Ý, giao cho anh Q nuôi cháu A; chị đồng ý anh Q cấp dưỡng cho cháu Ý mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Hiện nay chị đang làm nghề salon tại T, huyện M, thu nhập bình quân 7.000.000 đồng/tháng. Chị chung sống với ba mẹ đẻ của chị tại xã Đ.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận ly hôn giữa anh Ngô Văn Q và chị Huỳnh Thị Trúc N

Về con chung: Giao cháu Ngô Huỳnh Quốc A, sinh ngày 17/3/2019; cháu Ngô Huỳnh Như Ý, sinh ngày 09/12/2021 cho chị Ng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Q phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu A, cháu Ý mỗi tháng mỗi cháu 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu A, cháu Ý đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 18/9/2023.

Về tài sản chung; nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xét.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại thời điểm anh Ngô Văn Q khởi kiện “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” với chị Huỳnh Thị Trúc N đang cư trú tại thôn P, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức thụ lý vụ án theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Ngô Văn Q là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Ngô Văn Q và chị Huỳnh Thị Trúc N tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày ngày 01 tháng 02 năm 2019. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa anh Ngô Văn Q và chị Huỳnh Thị Trúc N là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của anh Ngô Văn Q, ý kiến của bị đơn chị Huỳnh Thị Trúc N, Hội đồng xét xử thấy rằng: Anh, chị đều thừa nhận sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là bất đồng quan điểm về mọi mặt, không hợp tính nhau, mặc dù anh chị đã được gia đình hai bên hòa giải, động viên nhưng vẫn không có kết quả. Nên anh, chị đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2021 cho đến nay, phần ai lo cho cuộc sống của người đó, không còn quan tâm đến nhau nên từ đó cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc.

Từ những nhận định trên, có căn cứ xác định: Mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay anh Ngô Văn Q yêu cầu được ly hôn với chị Huỳnh Thị Trúc N, chị N cũng đồng ý ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận ly hôn giữa anh Q và chị N.

[2.2] *Về con chung*: Theo lời khai của nguyên đơn, bị đơn và những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có căn cứ xác định anh Q và chị N có 02 con chung tên Ngô Huỳnh Quốc A, sinh ngày 17/3/2019 và Ngô Huỳnh Như Ý, sinh ngày 09/12/2021. Các bên đương sự đều xác nhận từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, thời gian đầu cháu A chung sống với anh Q được mấy tháng nhưng sau đó thì cháu A và cháu Ý chung sống với chị N, nhưng anh Q vẫn thường xuyên về thăm nom chăm sóc các cháu, gửi tiền cho chị Ngân chăm sóc 02 con chung; cháu A bị chậm nói, tăng động không thể nào phát triển bình thường như những đứa trẻ khác. Xét yêu cầu của anh Q khi ly hôn, anh Q có nguyện vọng được nuôi 02 con chung vì anh cho rằng chị N không đủ điều kiện kinh tế để chăm sóc cho 02 con được tốt, nhất là cháu A. Đồng thời anh Q có đủ điều kiện kinh tế, chỗ ở ổn định và điều kiện chăm sóc y tế tốt tại thành phố Hồ Chí Minh để lo cho cháu A phát triển bình thường. Chị N cũng thừa nhận điều kiện kinh tế của anh Q tốt hơn chị, nhưng chị vẫn yêu cầu nuôi cả 02 con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng: Anh Q và chị N đều có nguyện vọng nuôi cả 02 cháu, nhưng trường hợp Hội đồng xét xử giao mỗi bên nuôi dưỡng một cháu thì anh Q có nguyện vọng nuôi cháu A, chị N có nguyện vọng nuôi cháu Ý; việc giao con chung cho ai phải đảm bảo về mọi mặt cho sự phát triển của các cháu; mặt khác, cháu Ý chưa đủ 36 tháng tuổi phải giao cho chị N nuôi dưỡng, cháu A đã trên 36 tháng tuổi, anh Q là người cha có trách nhiệm với con, thể hiện khi ly thân anh Q vẫn chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; anh Q có điều kiện kinh tế, chỗ ở ổn định và điều kiện để chăm sóc y tế, giáo dục cho trẻ chậm phát triển tại thành phố Hồ Chí Minh tốt hơn chị N để chăm sóc cháu A phát triển bình thường như mọi đứa trẻ khác; nên Hội đồng xét xử giao cháu A cho

anh Quân chăm sóc nuôi dưỡng; giao cháu Ý cho chị Ngân chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.3] *Về cấp dưỡng cho con:* Anh Q không yêu chị N cấp dưỡng cho cháu A nên Hội đồng xét xử không xem xét; chị N đồng ý anh Q cấp dưỡng cho cháu Ý mỗi tháng 3.000.000 đồng; nên ghi nhận việc anh Q cấp dưỡng cho cháu Ý mỗi tháng 3.000.000 đồng (Bai triệu đồng) cho đến khi cháu Ý đủ 18 tuổi.

[2.4] *Về tài sản chung; nợ chung:* Anh Q và chị N trình bày không có, Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Anh Ngô Văn Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

[4] Ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với một phần nhận định của Hội đồng xét xử; ý kiến Kiểm sát viên về giao cháu A cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Ngô Văn Q.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận ly hôn giữa anh Ngô Văn Q và chị Huỳnh Thị Trúc N

2. Về con chung: Giao cháu Ngô Huỳnh Quốc A, sinh ngày 17/3/2019 cho anh Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Ngô Huỳnh Như Ý, sinh ngày 09/12/2021 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng cho con: Ghi nhận anh Q cấp dưỡng cho cháu Ý mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) cho đến khi cháu Ý đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 18/9/2023.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn

phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Anh Ngô Văn Q và chị Huỳnh Thị Trúc N có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung; nợ chung: Anh Q và chị N trình bày không có, Hội đồng xét xử không xét.

4. Về án phí: Anh Ngô Văn Q phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí do anh Quân nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005430, ngày 07/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Anh Q còn tiếp tục nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ tuyên án (ngày 18/9/2023).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Mộ Đức
- Chi cục THADS huyện Mộ Đức
- Các đương sự;
- UBND xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Sang

